CONTENT

1. OBLIGATIONS OF THE CERTIFICATION BODY AND THE CLIENT 2
NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VÀ KHÁCH HÀNG 3
1.1. Obligations of the certification body 3
Nghĩa vụ của tổ chức chứng nhận 3
1.2. Obligations of the client 4
Nghĩa vụ của khách hàng 4
1.3. Changing the certification body during the validity of the certificate (transfer of accredited certifications) 9
Thay đổi tổ chức chứng nhận trong thời gian hiệu lực của chứng chỉ (chuyển giao chứng chỉ) 9
1.4. Requirements regarding occupational health and safety at the client's premises 9
Yêu cầu về an toàn lao động tại cơ sở của khách hàng 9
1.4.1. Arrangements to be undertaken by the client 9
Các biện pháp cần thực hiện bởi khách hàng 9
1.4.2. Certification body 10
Tổ chức chứng nhận 10
1.5. Additional requirements for certification of energy management systems according to DIN EN ISO 5000110
Yêu cầu bổ sung cho việc chứng nhận hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 50001 10
1.5.1. Evidence of continual energy performance improvement 10
Bằng chứng về việc cải thiện liên tục hiệu suất năng lượng 10
1.5.2. Energy audits acc. to DIN EN 16247-1 (or ISO 50002 respectively).
Kiểm toán năng lượng theo tiêu chuẩn DIN EN 16247-1 (hoặc ISO 50002 tương ứng)

2. VALIDITY AND RIGHTS OF USE OF THE CERTIFICATION MARK AND THE CERTIFICATE 10
HIỆU LỰC VÀ QUYỀN SỬ DỤNG DẤU CHỨNG NHẬN VÀ CHỨNG CHỈ 10
3. ENDING OF RIGHTS OF USE 13
KẾT THÚC QUYỀN SỬ DỤNG 13
3.1. End of the right to use the certificate and certification mark 13
Kết thúc quyền sử dụng chứng chỉ và dấu chứng nhận 13
3.2. Certification body 14
Tổ chức chứng nhận 14
3.3. Client 15
Khách hàng 15
3.4. Mutual right to terminate the contract with immediate effect 15
Quyền chấm dứt hợp đồng ngay lập tức của cả hai bên 15
4. SCOPE OF APPLICATION 15
PHẠM VI ÁP DỤNG 15

If you should require any further information, please do not hesitate to contact us. We will be pleased to help you.

Nếu bạn cần thêm thông tin, vui lòng liên hệ với chúng tôi. Chúng tôi sẵn lòng hỗ trợ.

You can reach us by mail at vietnam@tuv-nord.com or by phone at +84 (0)24 3772 2892 (in Hanoi) or +84 (0) 283933 051 (in Ho Chi Minh).

Bạn có thể liên hệ với chúng tôi qua email vietnam@tuv-nord.com hoặc qua điện thoại +84 (0)24 3772 2892 (tại Hà Nội) hoặc +84 (0) 283933 051 (tại Hồ Chí Minh).

TUV NORD Vietnam Co., Ltd

14th Floor, HCMCC Building, 249A Thuy Khue

Tầng 14, toà nhà HCMCC, 249A Thuỵ Khuê

Ha Noi City

Thành phố Hà Nội

Viet Nam

Việt Nam

https://www.tuv-nord.com/vn/vi/

This document has been approved according to TNV-VA01. Details are available from the QMS.

Tài liệu này đã được phê duyệt theo quy trình TNV-VA01. Chi tiết có thể được cung cấp bởi Hệ thống Quản lý Chất lượng (QMS).

1. OBLIGATIONS OF THE CERTIFICATION BODY AND THE CLIENT

NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VÀ KHÁCH HÀNG

1.1. Obligations of the certification body

Nghĩa vụ của tổ chức chứng nhận

- The TUV NORD Vietnam Certification Body (hereinafter referred to as "certification body") shall treat confidentially, in accordance with the agreed confidentiality rules, all the information regarding the client's organization to which it has been granted access, and shall use this information solely for the agreed purpose. Documents and information made available shall not be forwarded to third parties. Provision of documents for accreditation bodies within the framework of monitoring and surveillance of the certification body, and also detailed reporting and rendering of information to the arbitration body in cases of conflict, are excluded from this obligation of confidentiality.

  Tổ chức chứng nhận TUV NORD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "tổ chức chứng nhận") sẽ xử lý một cách bảo mật, theo các quy tắc bảo mật đã thỏa thuận, tất cả thông tin liên quan đến tổ chức của khách hàng mà tổ chức này được cấp quyền truy cập, và chỉ sử dụng thông tin này cho mục đích đã thỏa thuận. Các tài liệu và thông tin được cung cấp không được chuyển giao cho bên thứ ba. Việc cung cấp tài liệu cho các tổ chức chứng nhận trong khuôn khổ giám sát và kiểm tra của tổ chức chứng nhận, cũng như việc báo cáo chi tiết và cung cấp thông tin cho tổ chức trọng tài trong trường hợp có tranh chấp, được miễn trừ khỏi nghĩa vụ bảo mật này.

- The certification body shall operate management system certification, surveillance and recertification based on the requirements defined in the quality management system of TÜV NORD CERT. The requirements of the standard or quality standard referred to in the offer, and those of the national legislation on which the accreditation / designation of the certification body / notified body is based, form the basis of the certification. The certification body shall issue a certificate and (depending on the standard) if applicable a certification mark (see section 2) if the result is positive.

  Tổ chức chứng nhận sẽ thực hiện chứng nhận hệ thống quản lý, giám sát và tái chứng nhận dựa trên các yêu cầu được quy định trong hệ thống quản lý chất lượng của TUV NORD Vietnam. Các yêu cầu của tiêu chuẩn hoặc tiêu chuẩn chất lượng được đề cập trong bảng báo giá, cùng với các yêu cầu của pháp luật quốc gia mà trên cơ sở đó việc công nhận / chỉ định tổ chức chứng nhận / tổ chức thông báo được thực hiện, là cơ sở cho việc chứng nhận. Tổ chức chứng nhận sẽ cấp chứng chỉ và (tùy theo tiêu chuẩn) nếu áp dụng, dấu chứng nhận (xem mục 2) nếu kết quả là tích cực

- The certification body shall keep and publish a list of the certified organizations, also stating the scope of the certification on request.

  Tổ chức chứng nhận phải lưu giữ và công bố danh sách các tổ chức được chứng nhận, đồng thời nêu rõ phạm vi chứng nhận theo yêu cầu.

- Complaints of third parties regarding management systems of clients who have been certified by the certification body shall be recorded in writing, checked and then dealt with.

  Các khiếu nại của bên thứ ba liên quan đến hệ thống quản lý của khách hàng đã được tổ chức chứng nhận chứng nhận phải được ghi chép bằng văn bản, kiểm tra và xử lý.

- The certification body shall record complaints and claims of the client with regard to the certification procedure in writing, check the facts of the case and investigate the complaints/claims. If no agreement is reached between the client and the certification body, the complaints/claims procedure available on the website of TÜV NORD CERT (www.tuev-nord-cert.com) shall apply.

Tổ chức chứng nhận phải ghi chép bằng văn bản các khiếu nại và yêu cầu của khách hàng liên quan đến quy trình chứng nhận, kiểm tra các sự kiện của vụ việc và điều tra các khiếu nại/yêu cầu. Nếu không đạt được thỏa thuận giữa khách hàng và tổ chức chứng nhận, quy trình giải quyết khiếu nại/yêu cầu được đăng tải trên trang web của TÜV NORD CERT (www.tuev-nord-cert.com) sẽ được áp dụng.

1.2. Obligations of the client

Nghĩa vụ của khách hàng

- At least four weeks before performance of the on-site audit (certification, surveillance or recertification audit) the client shall provide the necessary documents to the audit team leader.

  Ít nhất bốn tuần trước khi tiến hành đánh giá tại hiện trường (đánh giá chứng nhận, đánh giá giám sát hoặc đánh giá tái chứng nhận), khách hàng phải cung cấp các tài liệu cần thiết cho trưởng đoàn đánh giá.

- The client shall provide objective evidence to the audit team for initial and recertification audits or extension audits as follows:

  Khách hàng phải cung cấp bằng chứng khách quan cho đoàn đánh giá trong các cuộc đánh giá ban đầu, tái chứng nhận hoặc mở rộng như sau:

  - entry in professional or commercial register (or comparable evidence), if applicable,

    giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép kinh doanh (hoặc bằng chứng tương đương), nếu có,

  - organization chart/documentation of organizational structure,

    sơ đồ tổ chức/tài liệu về cấu trúc tổ chức,

  - company policy regarding the audited management system(s),

    chính sách của công ty liên quan đến (các) hệ thống quản lý được đánh giá,

  - overview of management system documentation (e.g. table of contents or description of the structure of the management system documentation),

    tổng quan về tài liệu hệ thống quản lý (ví dụ: mục lục hoặc mô tả cấu trúc của tài liệu hệ thống quản lý),

  - result of the management review (e.g. cover sheet or table of contents with date and signature(s),

    kết quả xem xét của lãnh đạo với hệ thống quản lý (ví dụ: trang bìa hoặc mục lục có ngày tháng và (các) chữ ký),

  - annual internal audit programme and evidence of internal audits performed (e.g. cover sheet of audit report(s) with date and signature(s),

    chương trình đánh giá nội bộ hàng năm và bằng chứng về các cuộc đánh giá nội bộ đã thực hiện (ví dụ: trang bìa của (các) báo cáo đánh giá với ngày tháng và (các) chữ ký),

  - standard-specific documentation, if applicable (ISO 14001: entry in the environmental permit register; ISO 27001: applicability statement; ISO 45001: accident statistics; ISO 50001: table of contents of the energy report etc.).

    tài liệu cụ thể theo tiêu chuẩn, nếu có (ISO 14001: giấy phép môi trường, giấy đăng ký môi trường ; ISO 27001: tuyên bố về tính áp dụng; ISO 45001: thống kê tai nạn; ISO 50001: mục lục của báo cáo năng lượng, v.v.).

- The client shall provide objective evidence to the audit team for surveillance at least as follows:

Khách hàng phải cung cấp bằng chứng khách quan cho đoàn đánh giá trong kỳ đánh giá giám sát ít nhất như sau:

- overview of management system documentation (e.g. table of contents or description of the structure of the management system documentation),

  tổng quan về tài liệu hệ thống quản lý (ví dụ: mục lục hoặc mô tả cấu trúc của tài liệu hệ thống quản lý),

- result of the management review (e.g. cover sheet or table of contents with date and signature(s),

  kết quả xem xét của lãnh đạo với hệ thống quản lý (ví dụ: trang bìa hoặc mục lục có ngày tháng và (các) chữ ký),

- annual internal audit programme and evidence of internal audits performed (e.g. cover sheet of audit report(s) with date and signature(s),

  chương trình đánh giá nội bộ hàng năm và bằng chứng về các cuộc đánh giá nội bộ đã thực hiện (ví dụ: trang bìa của (các) báo cáo đánh giá với ngày tháng và (các) chữ ký),

- The client shall perform a complete internal audit before the certification audit, covering all the management system requirements of the relevant standard and the processes and sites relevant for the scope of the certificate. A management review shall also be carried out.

  Khách hàng phải thực hiện một cuộc đánh giá nội bộ đầy đủ trước cuộc đánh giá chứng nhận, bao gồm tất cả các yêu cầu của hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn liên quan và các quá trình, địa điểm liên quan đến phạm vi của chứng chỉ. Một cuộc xem xét của lãnh đạo cũng phải được thực hiện.

- The client shall create a “risk-based” internal audit programme for the 3-year certification cycle which covers all the management system requirements, taking the size of the organization, the scope and the complexity of the management system, the products and processes and the relevant sites into consideration. The audit programme shall be evaluated at least annually with regard to its suitability and effectiveness.

  Khách hàng phải lập chương trình đánh giá nội bộ “dựa trên rủi ro” cho chu kỳ chứng nhận 3 năm, bao gồm tất cả các yêu cầu của hệ thống quản lý, xem xét quy mô tổ chức, phạm vi và độ phức tạp của hệ thống quản lý, sản phẩm và quá trình, cũng như các địa điểm liên quan. Chương trình đánh giá phải được đánh giá ít nhất hàng năm về tính phù hợp và hiệu quả.

- In the case of multi-site certifications, all the sites included in the certification shall be covered by the internal audit programme of the organization. Each site shall be audited at least once within the 3-year certification cycle. The headquarters (central office) shall be audited each year.

  Trong trường hợp chứng nhận nhiều địa điểm, tất cả các địa điểm trong chứng nhận phải được bao gồm trong chương trình đánh giá nội bộ của tổ chức. Mỗi cơ sở phải được đánh giá ít nhất một lần trong chu kỳ chứng nhận 3 năm. Trụ sở chính (văn phòng trung tâm) phải được đánh giá hàng năm.

- The client shall perform annual management reviews within the 3-year certification cycle.

  Khách hàng phải thực hiện xem xét của lãnh đạo hàng năm trong chu kỳ chứng nhận 3 năm.

- The client shall allow the audit team access to the relevant organisational units of the company and shall allow records that are relevant for the operation of the management system to be viewed.

  Khách hàng phải cho phép đoàn đánh giá truy cập vào các đơn vị tổ chức liên quan của công ty và cho phép xem các tài liệu liên quan đến hoạt động của hệ thống quản lý.

- The client shall name a contact person from the company management who is responsible for the execution of the audit. This is in general the representative who has been appointed for the respective management system.

  Khách hàng phải chỉ định một người liên hệ từ ban lãnh đạo công ty chịu trách nhiệm thực hiện đánh giá. Đây thường là người đại diện đã được bổ nhiệm cho hệ thống quản lý tương ứng.

- The client is obliged to inform the certification body immediately in writing of all important changes which occur after issue of certificates or after extensions or additions to certificates. This applies, for example, to changes regarding the legal and organisational form of the company, the economic or ownership situation of the company, the organization and the management (such as changes to key members of staff in management positions, decision makers and specialist or high-level technical personnel etc.), changes to the contact address and the sites of the company and the scope of the certified management system, as well as significant changes to the management system and the processes.

  Khách hàng có nghĩa vụ thông báo ngay lập tức bằng văn bản cho tổ chức chứng nhận về tất cả các thay đổi quan trọng xảy ra sau khi cấp chứng nhận hoặc sau khi gia hạn hoặc bổ sung chứng nhận. Điều này áp dụng, ví dụ, đối với các thay đổi liên quan đến hình thức pháp lý và tổ chức của công ty, tình hình kinh doanh hoặc sở hữu của công ty, tổ chức và quản lý (như thay đổi về các thành viên chủ chốt trong các vị trí quản lý, người ra quyết định và nhân viên chuyên môn hoặc kỹ thuật cấp cao, v.v.), thay đổi địa chỉ liên hệ và các địa điểm của công ty, phạm vi của hệ thống quản lý được chứng nhận, cũng như các thay đổi đáng kể đối với hệ thống quản lý và các quy trình.

- The client shall inform the certification body immediately of any serious incidents (e.g. recalls, accidents at work, hazardous incidents, process disturbances, compliance breaches) in written form. This obligation applies to incidents with and without the involvement of the competent regulatory authority.

  Khách hàng phải thông báo ngay lập tức cho tổ chức chứng nhận bằng văn bản về bất kỳ sự cố nghiêm trọng nào (ví dụ: thu hồi sản phẩm, tai nạn lao động, sự cố nguy hiểm, rối loạn quy trình, vi phạm tuân thủ). Nghĩa vụ này áp dụng cho các sự cố có hoặc không có sự tham gia của tổ chức quản lý có thẩm quyền.

- From its side, the certification body shall take corresponding steps to assess the situation and its impact on the certification and shall undertake corresponding actions.

  Từ phía mình, tổ chức chứng nhận phải thực hiện các bước tương ứng để đánh giá tình hình và tác động của nó đối với việc chứng nhận, đồng thời thực hiện các hành động tương ứng.

- The client shall record all objections in relation to the management system and its effectiveness, along with corrective actions and their results, and shall communicate these in documented form to the auditor in the course of the audit.

  Khách hàng phải ghi chép tất cả các ý kiến phản đối liên quan đến hệ thống quản lý và hiệu quả của nó, cùng với các biện pháp khắc phục và kết quả, và phải thông báo những thông tin này dưới dạng văn bản cho chuyên gia đánh giá trong quá trình đánh giá.

- The client shall perform a root cause analysis for any nonconformity (NC) and shall define adequate corrective actions. The root cause analysis, corrective actions including an action plan and, if applicable, objective evidence of corrections or corrective actions performed shall be submitted electronically to the nominated lead auditor by the specified deadline (no later than six weeks after the last audit day). The lead auditor shall review these documents and inform the client regarding the result.

  Khách hàng phải thực hiện phân tích nguyên nhân gốc rễ đối với bất kỳ điểm không phù hợp (NC) nào và xác định các biện pháp khắc phục phù hợp. Phân tích nguyên nhân gốc rễ, các biện pháp khắc phục bao gồm kế hoạch hành động và, nếu có, bằng chứng khách quan về các biện pháp khắc phục đã thực hiện phải được gửi điện tử cho chuyên gia

đánh giá trưởng được chỉ định trước thời hạn quy định (không muộn hơn sáu tuần sau ngày đánh giá cuối cùng). Chuyên gia đánh giá trưởng sẽ xem xét các tài liệu này và thông báo cho khách hàng về kết quả.

- The client shall implement the corrective actions as defined in the approved action plan and shall review the effectiveness of implemented actions.

  Khách hàng phải triển khai các biện pháp khắc phục theo kế hoạch hành động đã được phê duyệt và xem xét hiệu quả của các biện pháp đã triển khai.

- In the case of major nonconformities (NC A), the lead auditor shall verify the complete and effective implementation of the action plan by the specified deadline (no later than three months after the last audit day). Depending on the type and extent of the identified nonconformity, this verification can either be carried out in a follow-up audit on site or in a review of submitted documents (objective evidence), depending on the decision of the lead auditor.

  Trong trường hợp có điểm không phù hợp nặng (NC A), chuyên gia đánh giá trưởng phải xác minh việc thực hiện đầy đủ và hiệu quả kế hoạch hành động theo thời hạn quy định (không muộn hơn ba tháng kể từ ngày đánh giá cuối cùng). Tùy thuộc vào loại và mức độ của điểm không phù hợp được xác định, việc xác minh này có thể được thực hiện thông qua đánh giá bổ sung tại hiện trường hoặc thông qua việc xem xét các tài liệu đã nộp (bằng chứng khách quan), tùy thuộc vào quyết định của chuyên gia đánh giá trưởng.

- In case of minor nonconformities (NC B), it can be agreed that verification of effective implementation of the action plan will take place in the next scheduled audit.

  Trong trường hợp có các điểm không phù hợp nhẹ (NC B), có thể thỏa thuận rằng việc xác minh việc thực hiện hiệu quả kế hoạch hành động sẽ được tiến hành trong cuộc đánh giá định kỳ tiếp theo.

- In order to avoid situations of conflict between the certification body and a possible advisory or consultancy organization, the client shall inform the certification body of advisory or consultancy services that have been used in the area of management systems before or after conclusion of the contract. This also includes organizations that have carried out “in-house training” or internal management system audits.

  Để tránh các tình huống xung đột giữa tổ chức chứng nhận và một tổ chức tư vấn có thể có, khách hàng phải thông báo cho tổ chức chứng nhận về các dịch vụ tư vấn đã được sử dụng trong lĩnh vực hệ thống quản lý trước hoặc sau khi ký kết hợp đồng. Điều này cũng bao gồm các tổ chức đã thực hiện "đào tạo nội bộ" hoặc đánh giá hệ thống quản lý nội bộ.

- Within the framework of maintenance of the accreditation, notification, appointment, approval etc. the client hereby agrees that assessors from accreditation organizations may attend audits possibly taking place within his organization, e.g. for a witness audit (participation of the accreditation body in a (re)-certification/surveillance audit) and that the accreditation organization may have access to and view the files.

  Trong khuôn khổ duy trì chứng nhận, thông báo, bổ nhiệm, phê duyệt, v.v., khách hàng đồng ý rằng các chuyên gia đánh giá từ tổ chức công nhận có thể tham gia các cuộc đánh giá có thể diễn ra trong tổ chức của mình, ví dụ như đánh giá chứng kiến (sự tham gia của cơ quan công nhận trong đánh giá (tái) chứng nhận/đánh giá giám sát) và rằng tổ chức công nhận có thể truy cập và xem các tệp tin.

- The client has the right to decline auditors nominated by the certification body. Reasons for rejection may arise in particular due to a possible threat to impartiality. If no agreement can be reached following 3 proposals, the contract may be dissolved by the certification body with immediate effect.

  Khách hàng có quyền từ chối các chuyên gia đánh giá do tổ chức chứng nhận sắp xếp. Lý do từ chối có thể phát sinh đặc biệt do nguy cơ ảnh hưởng đến tính khách quan. Nếu không đạt được thỏa thuận sau 3 đề xuất, tổ chức chứng nhận có thể chấm dứt hợp đồng ngay lập tức.

- The client shall fulfil all the requirements regarding certification of a multi-site organization when applying the multi-site procedure and shall report any non-fulfilment to the certification body immediately. The requirements are as follows:

  Khách hàng phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu liên quan đến việc cấp chứng nhận cho tổ chức nhiều địa điểm khi áp dụng quy trình nhiều địa điểm và phải báo cáo ngay lập tức cho tổ chức chứng nhận về bất kỳ vi phạm nào. Các yêu cầu cụ thể như sau:

  - establishment and maintenance of a management system that applies uniformly to all sites/production facilities/branches,

    thiết lập và duy trì hệ thống quản lý áp dụng thống nhất cho tất cả các địa điểm/địa điểm sản xuất/chi nhánh,

  - monitoring of the entire management system by the head office. The head office is authorized to issue instructions to all sites/production facilities/branches,

    theo dõi toàn bộ hệ thống quản lý bởi trụ sở chính. Trụ sở chính có quyền ban hành chỉ thị cho tất cả các địa điểm/địa điểm sản xuất/chi nhánh,

  - determination that certain organizational units work centrally for all organizational units, e.g. product and procedure development, procurement, human resources,

    xác định rằng một số đơn vị tổ chức hoạt động tập trung cho tất cả các đơn vị tổ chức, ví dụ: phát triển sản phẩm và quy trình, mua sắm, nhân sự,

  - performance of internal audits before the certification audit in all sites/production facilities/ branches,

    thực hiện đánh giá nội bộ trước đánh giá chứng nhận tại tất cả các địa điểm/địa điểm sản xuất/chi nhánh,

  - conclusion of a contract between the client and the certification body that is legally enforceable at all locations/production sites/branches,

    ký kết hợp đồng giữa khách hàng và tổ chức chứng nhận có hiệu lực pháp lý tại tất cả các địa điểm/địa điểm sản xuất/chi nhánh,

  - evidence of a top management and legal or contractual ties between all sites and the head office in the case of corporate groups with independent legal entities.

    bằng chứng về mối quan hệ quản lý cấp cao và pháp lý hoặc hợp đồng giữa tất cả các địa điểm và trụ sở chính trong trường hợp các nhóm tập đoàn có các pháp nhân độc lập.

- It can be necessary to perform additional short-notice or unannounced audits, e.g. in order to investigate complaints, as a consequence of changes or as follow-up for suspended certificates. In such cases the certification body specifies the conditions under which these short-notice audit visits are to take place. It is not possible to object to members of the audit team for short-notice audits. Costs resulting from the additional audit will be charged to the client.

  Có thể cần thực hiện các cuộc đánh giá đột xuất hoặc không báo trước, ví dụ để điều tra khiếu nại, do thay đổi hoặc để theo dõi các chứng chỉ bị tạm ngừng. Trong trường hợp này, tổ chức chứng nhận sẽ quy định các điều kiện để thực hiện các cuộc đánh giá đột xuất. Không thể phản đối thành viên của đoàn đánh giá trong các cuộc đánh giá đột xuất. Chi phí phát sinh từ cuộc đánh giá bổ sung sẽ được tính cho khách hàng.

1.3. Changing the certification body during the validity of the certificate (transfer of accredited certifications)

Thay đổi tổ chức chứng nhận trong thời gian hiệu lực của chứng chỉ (chuyển giao chứng chỉ)

- In case of transfer of certification, the client shall make available to TUV NORD Vietnam as the accepting certification body all the required documents (certificate(s) of the previous certification body, audit reports of the initial certification or of the last recertification and of the last surveillance audits; status of any open nonconformities). TUV NORD Vietnam shall not carry out the transfer of certification until the review of the transfer of certification, the Pre-Transfer Review, has been positively completed. The transfer of a certification is only possible if the certificate of the client is valid for at least another 3 months. As soon as TUV NORD Vietnam has issued the transferred certificate, TUV NORD Vietnam shall inform the issuing certification body of the transfer of the certification.

  Trong trường hợp chuyển giao chứng nhận, khách hàng phải cung cấp cho TUV NORD Việt Nam, với tư cách là tổ chức chứng nhận tiếp nhận, tất cả các tài liệu cần thiết (giấy chứng nhận của tổ chức chứng nhận trước đó, báo cáo đánh giá của lần chứng nhận ban đầu hoặc lần tái chứng nhận gần nhất và các lần đánh giá giám sát gần nhất; tình trạng của các điểm không phù hợp chưa được giải quyết). TUV NORD Việt Nam sẽ không thực hiện việc chuyển giao chứng nhận cho đến khi quá trình xem xét chuyển giao chứng nhận, tức là Xem xét Trước Khi Chuyển Giao, được hoàn tất thành công. Việc chuyển giao chứng nhận chỉ được thực hiện nếu chứng chỉ của khách hàng còn hiệu lực ít nhất 3 tháng nữa. Ngay sau khi TÜV NORD CERT cấp chứng chỉ chuyển giao, TUV NORD Việt Nam sẽ thông báo cho tổ chức chứng nhận ban đầu về việc chuyển giao chứng nhận.

1.4. Requirements regarding occupational health and safety at the client's premises

Yêu cầu về an toàn lao động tại cơ sở của khách hàng

1.4.1. Arrangements to be undertaken by the client

Các biện pháp cần thực hiện bởi khách hàng

- At the due date before performance of the audit, the client shall provide information regarding risks, hazards and stress and load factors which could originate from the working environment in the client's factory or at the client's premises. This information shall include information regarding hazardous substances in test pieces. The client shall provide information concerning whether and, if appropriate, to what extent, risk and hazard assessments and precautionary measures are required for the activities that have been ordered.

  Trước thời gian thực hiện đánh giá, khách hàng phải cung cấp thông tin về các rủi ro, nguy hiểm và các yếu tố gây căng thẳng và tải trọng có thể phát sinh từ môi trường làm việc tại nhà máy hoặc cơ sở của khách hàng. Thông tin này phải bao gồm thông tin về các chất nguy hiểm trong mẫu thử. Khách hàng phải cung cấp thông tin về việc liệu và, nếu cần thiết, mức độ nào, việc đánh giá rủi ro và nguy hiểm cùng các biện pháp phòng ngừa là cần thiết cho các hoạt động đã được đặt hàng.

- The client shall have sufficient arrangements in place for first aid, alarm and rescue, and shall name contacts and responsibilities in this regard.

  Khách hàng phải có các biện pháp cần thiết về cấp cứu, báo động và cứu hộ, và phải chỉ định các liên hệ và trách nhiệm liên quan đến các vấn đề này.

- The client shall ensure that employees of the certification body only perform work when accompanied by an employee of the client.

  Khách hàng phải đảm bảo rằng nhân viên của tổ chức chứng nhận chỉ thực hiện công việc khi có sự giám sát của nhân viên của khách hàng.

- The client shall provide the employees of the certification body with instruction on the basis of risk and hazard assessment(s) and work and operating instructions. The instruction shall include communication of emergency telephone numbers and assembly points in case of danger as well as a description of the functioning and safety of any equipment to be used under such circumstances.

  Khách hàng phải cung cấp cho nhân viên của tổ chức chứng nhận hướng dẫn dựa trên đánh giá rủi ro và nguy hiểm, cũng như hướng dẫn công việc và vận hành. Hướng dẫn phải bao gồm thông tin về số điện thoại khẩn cấp và điểm tập trung trong trường hợp nguy hiểm, cũng như mô tả về cách hoạt động và an toàn của bất kỳ thiết bị nào được sử dụng trong tình huống đó.

- The client shall supply free of charge any necessary personal protective equipment which may be necessary and which is not provided by the certification body (e.g. helmet, safety boots or shoes, ear defenders, safety spectacles/goggles).

  Khách hàng phải cung cấp miễn phí bất kỳ trang thiết bị bảo hộ cá nhân nào cần thiết mà tổ chức chứng nhận không cung cấp (ví dụ: mũ bảo hiểm, giày bảo hộ, tai nghe bảo hộ, kính bảo hộ).

1.4.2. Certification Body

Tổ chức chứng nhận

- The employees of the certification body may only undertake work if the circumstances and the working environment are safe. They are entitled to refuse to perform the work in the presence of unacceptable hazards/risks/stresses.

  Nhân viên của tổ chức chứng nhận chỉ được thực hiện công việc nếu điều kiện và môi trường làm việc đảm bảo an toàn. Họ có quyền từ chối thực hiện công việc trong trường hợp có các nguy cơ/rủi ro/áp lực không thể chấp nhận được.

1.5. Additional requirements for certification of energy management systems according to ISO 50001

Yêu cầu bổ sung cho việc chứng nhận hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001

1.5.1. Evidence of continual energy performance improvement

Bằng chứng về việc cải thiện liên tục hiệu suất năng lượng

- In order to achieve issue of the initial certificate, evidence of improvement of energy performance shall be provided in advance by the client organization.

  Để đạt được việc cấp chứng chỉ ban đầu, tổ chức khách hàng phải cung cấp bằng chứng về việc cải thiện kết quả thực hiện năng lượng trước đó.

- In order to maintain the certificate, the organization shall provide evidence of continual improvement of the energy performance at each recertification audit (every 3 years).

  Để duy trì chứng chỉ, tổ chức phải cung cấp bằng chứng về việc cải thiện liên tục kết quả thực hiện năng lượng tại mỗi cuộc kiểm tra tái chứng nhận (mỗi 3 năm).

2. VALIDITY AND RIGHTS OF USE OF THE CERTIFICATION MARK AND THE CERTIFICATE

HIỆU LỰC VÀ QUYỀN SỬ DỤNG DẤU CHỨNG NHẬN VÀ CHỨNG CHỈ

The following rules apply equally to certificate and certification mark. In some cases, certification marks are not issued, then the following rules only apply to certificates.

Các quy định sau đây áp dụng đồng đều cho chứng chỉ và dấu chứng nhận. Trong một số trường hợp, dấu chứng nhận không được cấp, thì các quy định sau đây chỉ áp dụng cho chứng chỉ.

- The validity of the certificate begins with the date when the certificate is issued and ends as stated on the certificate. The term of the certificate depends on the particular standard on which the audit is based, but may not exceed a maximum of 3 years. This assumes that, based on the date of the certification audit, regular surveillance audits are performed in the company according to the specific accreditation rules or certification standards (e.g. yearly, half-yearly) with a positive result. A surveillance audit at short notice may also become necessary in certain justified cases. It is within the discretion of the certification body to decide on the necessity for such an audit. The same prerequisites apply for the use of the certification mark.

  Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ bắt đầu từ ngày cấp chứng chỉ và kết thúc như được ghi trên chứng chỉ. Thời hạn của chứng chỉ phụ thuộc vào tiêu chuẩn cụ thể mà cuộc đánh giá dựa trên, nhưng không được vượt quá tối đa 3 năm. Điều này giả định rằng, dựa trên ngày đánh giá chứng nhận, các cuộc đánh giá giám sát định kỳ được thực hiện tại công ty theo các quy tắc công nhận cụ thể hoặc tiêu chuẩn chứng nhận (ví dụ: hàng năm, sáu tháng một lần) với kết quả tích cực. Trong một số trường hợp được chứng minh là cần thiết, có thể cần thực hiện đánh giá giám sát đột xuất. Quyết định về tính cần thiết của kiểm tra này thuộc quyền quyết định của tổ chức chứng nhận. Các điều kiện tiên quyết tương tự áp dụng cho việc sử dụng dấu chứng nhận.

- The scope of the certification is listed in English or Vietnamese language on the certificate. A translation into other languages is provided in good faith. In case of doubt or contradiction in meaning or interpretation between languages, only the English or the Vietnamese version of the certificate is binding.

  Phạm vi chứng nhận được liệt kê bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt trên chứng chỉ. Bản dịch sang các ngôn ngữ khác được cung cấp với thiện chí. Trong trường hợp có sự nghi ngờ hoặc mâu thuẫn về nghĩa hoặc cách diễn giải giữa các ngôn ngữ, chỉ phiên bản tiếng Anh hoặc tiếng Việt của chứng chỉ mới có giá trị pháp lý.

- The certification mark to be used in the individual case depends on the certificate that is issued.

  Dấu chứng nhận được sử dụng trong từng trường hợp cụ thể phụ thuộc vào chứng chỉ được cấp.

- Approval for use of the certification mark only applies for the area of the client's organization that has been certified. Use of the certification mark for activities which lie outside the scope of the certification is not permitted.

  Chấp thuận sử dụng dấu chứng nhận chỉ áp dụng cho khu vực của tổ chức khách hàng đã được chứng nhận. Việc sử dụng dấu cho các hoạt động nằm ngoài phạm vi chứng nhận là không được phép.

- The certification mark may only be used in the form that is provided by the certification body. The mark shall be easy to read and clearly visible. The client is not authorised to make changes to the certificate and/or the certification mark. The certificate and the certification mark may not be used in a misleading manner for advertising purposes.

  Dấu chứng nhận chỉ được sử dụng dưới dạng do tổ chức chứng nhận cung cấp. Dấu chứng nhận phải dễ đọc và rõ ràng. Khách hàng không được phép thay đổi chứng chỉ và/hoặc dấu. Chứng chỉ và dấu chứng nhận không được sử dụng một cách gây nhầm lẫn cho mục đích quảng cáo.

- The certification mark may only be used by the client and only in direct association with the company name or the company logo of the client. It may not be used on products or product packaging, nor be used in relation to products and/or procedures of the client, in a manner that could be interpreted as confirming product conformity.

  Dấu chứng nhận chỉ được sử dụng bởi khách hàng và chỉ được sử dụng trực tiếp liên quan đến tên công ty hoặc logo của khách hàng. Dấu chứng nhận không được sử dụng trên sản phẩm hoặc bao bì sản phẩm, cũng như không được sử dụng liên quan đến sản phẩm và/hoặc quy trình của khách hàng theo cách có thể được hiểu là xác nhận sự phù hợp của sản phẩm.

- It is not permitted to make use of the certification mark on laboratory test reports, calibration certificates or inspection reports or certificates for persons, as these documents are classified as products in this connection.

  Không được phép sử dụng dấu chứng nhận trên các báo cáo thử nghiệm phòng thí nghiệm, chứng chỉ hiệu chuẩn hoặc báo cáo đánh giá hoặc chứng chỉ cho cá nhân, vì các tài liệu này được coi là sản phẩm trong trường hợp này.

- The client shall ensure that the certification mark and the certificate are only used in advertising in such a way that a statement regarding the certified area of the client which corresponds to the certification is made.

  Khách hàng phải đảm bảo rằng dấu chứng nhận và chứng chỉ chỉ được sử dụng trong quảng cáo theo cách thức sao cho có tuyên bố về lĩnh vực được chứng nhận của khách hàng tương ứng với chứng nhận.

- The client also has to ensure that, within the framework of competition, the impression is not created that certification by the certification body is equivalent to a governmental or official inspection.

  Khách hàng cũng phải đảm bảo rằng, trong khuôn khổ cạnh tranh, không tạo ra ấn tượng rằng việc chứng nhận của tổ chức chứng nhận tương đương với kiểm tra của chính phủ hoặc tổ chức nhà nước.

- If, according to the principles of product liability, a claim is made against the certification body based on use of the certification mark and/or certificate by the client which infringes the conditions of the contract, the client shall hold the certification body harmless and release the certification body from all claims of third parties. The same applies for all cases in which a claim is made against the certification body by a third party based on advertising claims or other behaviour on the part of the client.

  Nếu, theo nguyên tắc trách nhiệm sản phẩm, có khiếu nại được đưa ra chống lại tổ chức chứng nhận dựa trên việc khách hàng sử dụng dấu chứng nhận và/hoặc chứng chỉ vi phạm các điều kiện của hợp đồng, khách hàng phải bồi thường cho tổ chức chứng nhận và miễn trừ tổ chức chứng nhận khỏi tất cả các khiếu nại của bên thứ ba. Điều này cũng áp dụng cho tất cả các trường hợp mà một bên thứ ba đưa ra khiếu nại đối với tổ chức chứng nhận dựa trên các tuyên bố quảng cáo hoặc hành vi khác của khách hàng.

- The client receives the non-transferable, non-exclusive right, time-limited to the contractual term, to make use of the certification mark and the certificate in accordance with the conditions stated above. If the certificate is suspended or withdrawn, neither the certificate nor the certification mark may be used from the date of suspension or withdrawal (irrespective of the term of the contract).

  Khách hàng được cấp quyền sử dụng không chuyển nhượng, không độc quyền, có thời hạn trong thời gian hợp đồng, để sử dụng dấu chứng nhận và chứng chỉ theo các điều kiện nêu trên. Nếu chứng chỉ bị đình chỉ hoặc thu hồi, cả chứng chỉ và dấu chứng nhận không được sử dụng kể từ ngày đình chỉ hoặc thu hồi (dù hợp đồng còn hiệu lực).

- Use of the certification mark and the certificate is limited to the client and may not be transferred to third parties or legal successors without the express permission of the certification body. If the client wishes to transfer the right of use of the certification mark and the certificate, a corresponding application shall be submitted. A new audit shall be performed if necessary.

  Việc sử dụng dấu chứng nhận và chứng chỉ bị giới hạn cho khách hàng và không được chuyển nhượng cho bên thứ ba hoặc người thừa kế pháp lý mà không có sự cho phép rõ ràng của tổ chức chứng nhận. Nếu khách hàng muốn chuyển nhượng quyền sử dụng dấu chứng nhận và chứng chỉ, phải nộp đơn xin chuyển nhượng tương ứng. Nếu cần thiết, sẽ tiến hành đánh giá mới.

- To ensure gap-free recertification, the recertification audit should be carried out 3 months before the expiration date of the current certificate.

Để đảm bảo việc tái chứng nhận không gián đoạn, cuộc đánh giá tái chứng nhận nên được thực hiện 3 tháng trước ngày hết hạn của chứng chỉ hiện tại.

- In the case of multi-site certifications, the main certificate shall state the clear and unambiguous overall scope of the certification with regard to activities, products and services of all sites and all locations. Typically, the sites are listed in an annex to the certificate. The scope of a sub-certificate shall indicate the clear and unambiguous scope of the certification with regard to activities, products and services at the respective site. It is not permissible for the scope in the sub-certificate to deviate from the scope of the main certificate. The sub-certificate can as a maximum only have the same scope as the main certificate or it can have a limited, but not different, scope compared with the main certificate.

  Trong trường hợp chứng nhận nhiều địa điểm, chứng chỉ chính phải nêu rõ phạm vi tổng thể rõ ràng và không gây nhầm lẫn của chứng nhận liên quan đến các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ của tất cả các cơ sở và địa điểm. Thông thường, các cơ sở được liệt kê trong phụ lục của chứng chỉ. Phạm vi của chứng chỉ phụ phải nêu rõ phạm vi rõ ràng và không gây nhầm lẫn của chứng nhận liên quan đến các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ tại địa điểm tương ứng. Phạm vi trong chứng chỉ phụ không được phép khác biệt so với phạm vi của chứng chỉ chính. Chứng chỉ phụ có thể có phạm vi tối đa tương đương với chứng chỉ chính hoặc có phạm vi hạn chế, nhưng không được khác biệt so với chứng chỉ chính.

- Corporate structures with independent legal entities: if sites of a permissible matrix certification are operated at other organizations, the certification documents shall indicate that such organizations only serve as an address. On the sub-certificates, the name of the client is taken from the main certificate; the name and address of the respective site are also stated. A sub-certificate can be issued for each site. These sub-certificates shall contain a clear reference to the main certificate. The sub-certificates have the same term of validity as the main certificate.

  Cấu trúc tổ chức có các pháp nhân độc lập: nếu các địa điểm thuộc phạm vi chứng nhận ma trận được phép được vận hành tại các tổ chức khác, các tài liệu chứng nhận phải ghi rõ rằng các tổ chức đó chỉ đóng vai trò là địa chỉ. Trên các chứng chỉ con, tên của khách hàng được lấy từ chứng chỉ chính; tên và địa chỉ của cơ sở tương ứng cũng được ghi rõ. Mỗi cơ sở có thể được cấp một chứng chỉ phụ. Các chứng chỉ phụ này phải có tham chiếu rõ ràng đến chứng chỉ chính. Thời hạn hiệu lực của các chứng chỉ phụ tương đương với thời hạn hiệu lực của chứng chỉ chính.

3. ENDING OF RIGHTS OF USE

KẾT THÚC QUYỀN SỬ DỤNG

The following rules apply equally to certificate and certification mark. In some cases certification marks are not issued, then the rules only apply to certificates.

Các quy tắc sau đây áp dụng đồng đều cho chứng chỉ và dấu chứng nhận. Trong một số trường hợp, dấu chứng nhận không được cấp, thì các quy tắc chỉ áp dụng cho chứng chỉ.

3.1. End of the right to use the certificate and certification mark

Kết thúc quyền sử dụng chứng chỉ và dấu chứng nhận

The right of the client to use the certification mark and to claim ownership of the certificate ends automatically with immediate effect without the need for an express statement of termination, if among others

Quyền của khách hàng trong việc sử dụng dấu chứng nhận và yêu cầu sở hữu chứng chỉ sẽ tự động chấm dứt ngay lập tức mà không cần thông báo chấm dứt rõ ràng, nếu trong số các trường hợp khác

- the client does not immediately report changes in his operations which are of significance as regards the certification, or indications that such changes may occur, to the certification body,

khách hàng không báo cáo ngay lập tức các thay đổi trong hoạt động của mình có ảnh hưởng đến việc cấp chứng nhận, hoặc các dấu hiệu cho thấy các thay đổi đó có thể xảy ra, cho tổ chức chứng nhận,

- the certification mark and/or the certificate are used in a such a way as to infringe the provisions of Item 2,

  dấu chứng nhận và/hoặc chứng chỉ được sử dụng theo cách vi phạm các quy định tại Mục 2,

- the results of the surveillance audits no longer justify maintenance of the certificate,

  kết quả của các cuộc đánh giá giám sát không còn đủ cơ sở để duy trì chứng chỉ,

- insolvency proceedings are opened with regard to the assets of the client or an application for opening of such proceedings directed against the client is refused on the grounds that insufficient assets are available,

  các thủ tục phá sản được mở đối với tài sản của khách hàng hoặc đơn xin mở các thủ tục đó đối với khách hàng bị từ chối với lý do không có đủ tài sản,

- surveillance audits cannot be performed within the specified periods for reasons which fall within the sphere of responsibility of the client,

  các cuộc đánh giá giám sát không thể được thực hiện trong các khoảng thời gian quy định do các lý do thuộc phạm vi trách nhiệm của khách hàng,

- actions for correction of nonconformities have not been carried out within the specified periods allowed or the results of such actions are not satisfactory or

  các biện pháp khắc phục điểm không phù hợp chưa được thực hiện trong các khoảng thời gian cho phép hoặc kết quả của các biện pháp đó không đạt yêu cầu hoặc

- disputes arise in relation to the certification mark in connection with competition law or intellectual property rights.

  xảy ra tranh chấp liên quan đến dấu chứng nhận liên quan đến luật cạnh tranh hoặc quyền sở hữu trí tuệ.

3.2. Certification Body

Tổ chức chứng nhận

The certification body is entitled to suspend or terminate a certificate, and thereby the entitlement to use the certification mark, if the certification body subsequently becomes aware of new information pertaining to the assessment of the certification procedure or its result.

Tổ chức chứng nhận có quyền tạm ngừng hoặc chấm dứt chứng chỉ, và do đó quyền sử dụng dấu chứng nhận, nếu tổ chức chứng nhận sau đó phát hiện thông tin mới liên quan đến việc đánh giá quy trình chứng nhận hoặc kết quả của nó.

The certification body reserves the right to make final decisions in relation to the certification with regard to issue, refusal or maintenance of the certification, extension or restriction/limitation of the scope of the certification, renewal, suspension or reinstatement following suspension, or withdrawal of the certification.

Tổ chức chứng nhận có quyền đưa ra quyết định cuối cùng liên quan đến việc cấp chứng chỉ, bao gồm việc cấp, từ chối hoặc duy trì chứng nhận, mở rộng hoặc hạn chế phạm vi của chứng nhận, gia hạn, tạm ngừng hoặc khôi phục sau khi tạm ngừng, hoặc thu hồi chứng nhận.

The certification body has the right to instigate a decertification procedure in the presence of the reasons given in 3.1 following proper and expert analysis, and to suspend, withdraw or declare the certificate to be invalid. If, by at the latest 6 months following a suspension, the client is able to prove that a situation corresponding to the requirements for certification again exists, the certification can be reinstated. Any costs associated with this shall be the responsibility of the client.

Tổ chức chứng nhận có quyền khởi xướng thủ tục thu hồi chứng nhận trong trường hợp có các lý do được nêu tại 3.1 sau khi tiến hành phân tích đúng đắn và chuyên môn, và có thể tạm ngừng, thu hồi hoặc tuyên bố chứng nhận không còn hiệu lực. Nếu, chậm nhất là 6 tháng sau khi tạm ngừng, khách hàng có thể chứng minh rằng tình trạng đáp ứng các yêu cầu cấp chứng nhận lại tồn tại, chứng nhận có thể được khôi phục. Mọi chi phí liên quan đến việc này sẽ do khách hàng chịu trách nhiệm.

3.3. Client

Khách hàng

Upon termination of the right of use, the client shall immediately collect and destroy all certificates (originals, copies, pdf documents) and cease advertising with the certificates. The same applies to use of the mark of conformity.

Khi quyền sử dụng bị chấm dứt, khách hàng phải ngay lập tức thu hồi và hủy bỏ tất cả các chứng chỉ (bản gốc, bản sao, tài liệu PDF) và ngừng quảng cáo bằng các chứng chỉ đó. Điều này cũng áp dụng cho việc sử dụng dấu phù hợp.

3.4. Mutual right to terminate the contract with immediate effect

Quyền chấm dứt hợp đồng ngay lập tức của cả hai bên

In addition, the certification body and the client have the right to terminate the contractual relationship with immediate effect, if use of the certificate and certification mark is prohibited to the client in a manner which is legally binding.

Ngoài ra, tổ chức chứng nhận và khách hàng có quyền chấm dứt quan hệ hợp đồng ngay lập tức nếu việc sử dụng chứng chỉ và dấu chứng nhận bị cấm đối với khách hàng theo cách thức có tính pháp lý ràng buộc.

4. SCOPE OF APPLICATION

PHẠM VI ÁP DỤNG

The General Conditions for the Certification of Management Systems apply to the certification of management systems meeting the requirements of ISO/IEC 17021-1.

Các Điều kiện Chung về Chứng nhận Hệ thống Quản lý áp dụng cho việc chứng nhận các hệ thống quản lý đáp ứng các yêu cầu của ISO/IEC 17021-1.